

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 74

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên
Bà Đào Định Phương	Thành viên

Từ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2016

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Số tham chiếu: 61280353/18688688-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Nhóm công ty đã bán giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty. Do các thủ tục pháp lý cần thiết chưa được hoàn tất, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định thời điểm Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường này, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty này cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 như được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến số liệu tài chính của Nhóm công ty Mía đường hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.643.444.600	7.220.860.465
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5	308.340.423	331.961.020
111	1. Tiền		293.340.423	331.961.020
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000	-
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		4.648.948.580	3.888.556.900
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.680.875.463	1.065.007.018
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.732.975.730	2.257.718.117
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	399.490.706	265.641.262
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	840.786.681	302.560.292
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(5.180.000)	(2.369.789)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	10	1.671.761.591	2.966.320.073
141	1. Hàng tồn kho		1.704.449.696	2.971.502.880
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.688.105)	(5.182.807)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		14.394.006	34.022.472
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.967.605	8.857.139
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.115.529	22.934.095
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	5.310.872	2.231.238
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.824.808.449	19.514.770.142
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		2.525.035.814	1.383.681.815
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.897.793.366	1.307.804.207
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	627.242.448	75.877.608
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		7.072.654.253	5.596.337.810
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.036.174.317	5.553.475.832
222	Nguyên giá		8.209.060.771	6.246.257.348
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.172.886.454)	(692.781.516)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	36.479.936	42.861.978
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.365.324)	(11.983.282)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		13.359.625.077	9.977.184.540
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.359.625.077	9.977.184.540
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	15	896.161.285	311.150.970
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		896.161.285	271.950.970
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	39.200.000
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		4.971.332.020	2.246.415.007
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.026.392.360	944.944.277
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	38.764.262	57.286.393
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.906.175.398	1.244.184.337
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		35.468.253.049	26.735.630.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.984.262.903	16.986.609.990
310	I. Nợ ngắn hạn		6.124.980.643	7.030.109.890
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	644.831.970	630.784.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	180.807.868	787.064.002
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	120.251.709	148.940.710
314	4. Phải trả người lao động		52.564.498	27.580.067
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	144.091.844	474.504.889
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.101.752	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.834.677.638	1.834.130.467
320	8. Vay ngắn hạn	24	2.138.653.364	3.127.105.050
330	II. Nợ dài hạn		18.859.282.260	9.956.500.100
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	1.309.428.416	847.958.773
338	2. Vay dài hạn	24	17.257.342.463	9.108.541.327
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	21.285.888	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	271.225.493	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.483.990.146	9.749.020.617
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.483.990.146	9.749.020.617
411	1. Vốn cổ phần	25.1	7.671.438.950	7.081.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.081.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	1.064.550.810	2.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	546.519.640	443.148.354
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	1.141.711.973	2.126.574.755
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.126.574.755	1.419.585.622
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(984.862.782)	706.989.133
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	59.768.773	95.307.748
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		35.468.253.049	26.735.630.607

Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



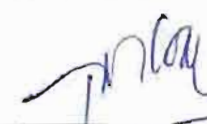
Ngày 27 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	4.777.217.797	4.730.680.433
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(1.249.713)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	4.775.968.084	4.730.680.433
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(4.265.868.089)	(3.493.579.993)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		510.099.995	1.237.100.440
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	236.063.665	164.880.632
22	7. Chi phí tài chính	30	(779.118.866)	(383.460.219)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(701.146.747)	(364.676.504)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	15.1	15.581.670	(1.225.021)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(88.270.096)	(72.904.454)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(306.168.650)	(120.958.460)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(411.812.282)	823.432.918
31	12. Thu nhập khác	32	146.890.520	2.233.328
32	13. Chi phí khác	32	(712.608.755)	(110.612.760)
40	14. Lỗ khác	32	(565.718.235)	(108.379.432)
50	15. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(977.530.517)	715.053.486
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(2.769.781)	(3.048.663)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế hoãn lại	33.2	(39.808.019)	32.003.555
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.020.108.317)	744.008.378
61	19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(984.862.782)	724.591.678
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	(35.245.535)	19.416.700
70	21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	(1.298)	1.176
71	22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	(1.298)	957


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

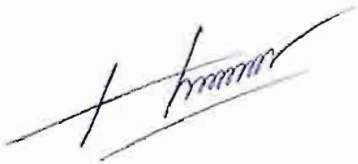
Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(977.530.517)	715.053.486
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	653.452.212	333.420.043
03	Các khoản dự phòng		30.315.509	5.655.836
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		41.043.322	328.995
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(346.011.414)	(52.746.866)
06	Chi phí lãi vay	30	701.146.747	364.676.504
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		102.415.859	1.366.387.998
09	Giảm các khoản phải thu		875.215.570	344.086.017
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		938.230.687	(2.180.235.216)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(691.305.524)	2.159.563.563
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(197.173.232)	66.793.246
14	Tiền lãi vay đã trả		(341.716.133)	(371.302.612)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(239.528)	(6.794.852)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(265.314)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		685.427.699	1.378.232.830
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.178.926.107)	(4.421.246.855)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		547.530.515	27.568.222
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(715.111.278)	(969.807.867)
24	Tiền thu hồi cho vay		389.552.552	304.157.896
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.619.176.184)	(1.852.343.193)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	425.663.640
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		93.015.805	28.114.041
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.483.114.697)	(6.457.894.116)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	25.1	1.652.000.000	1.797.972.760
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		9.623.507.911	9.304.243.116
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(5.501.441.510)	(5.654.081.191)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(83.317.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.774.066.401	5.364.817.525
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(23.620.597)	285.156.239
60	Tiền đầu năm		331.961.020	46.804.781
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	308.340.423	331.961.020


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	99,45
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Chờ thanh lý	99,99
(11) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,99
(12) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(16) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,90
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	70,00
(18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	70,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(22) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(23) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(24) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.249 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.074).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Sổ dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kết toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế năm nay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su là 7 năm và cây cọ dầu là 4,5 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

<i>Năm khai thác</i>	<i>Tỷ lệ khấu hao (%)</i>
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bờ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bờ như giá trị bờ giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm; và

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.18 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Tái cơ cấu nợ vay

Như được trình bày ở Thuyết minh số 24, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Việc tái cơ cấu bao gồm việc gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

4.2 Mua cổ phần trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSDD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo các Hợp đồng chuyển nhượng có liên quan với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880.000.000 ngàn VND và 770.000.000 ngàn VND. Theo đó, CSDD đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

CSDD là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 11D, Đường Phan Kế Bình, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày mua, CSDD có các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
(1) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	100%
(2) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	100%
(3) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	100%
(4) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Mua cổ phần trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương cùng các công ty con (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh chính của CSDD và các công ty con ("Nhóm CSDD") trong năm hiện hành là trồng và chăm sóc cao su tại các tỉnh thuộc Vương Quốc Campuchia.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua. Theo đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	684.785.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.612.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.460.055
Tài sản cố định	2.839.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.680.586.665
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	(203.027.005)
Vay ngắn hạn	(488.455.486)
Vay dài hạn	(504.688.437)
Tổng tài sản thuần	1.481.112.901
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 17</i>)	168.887.099
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	1.650.000.000

4.3 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN")

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ mua 81.937.178 cổ phiếu, tương đương với 99,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("CSTN") từ bên liên quan là chủ sở hữu CSTN với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 3.277.737.120 ngàn VND. Theo đó, CSTN đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

CSTN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900189156, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của CSTN trong năm hiện hành là trồng trọt, kinh doanh cây cao su, nuôi bò và các loại cây ăn quả.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của CSTN tại ngày mua. Theo đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của CSTN tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Ngàn VND
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	150.156.944
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.067.788.689
Hàng tồn kho	251.734.900
Tài sản ngắn hạn khác	4.115.080
Tài sản cố định hữu hình	127.142.696
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (vườn cây cao su và cây ăn quả)	988.522.788
Chi phí trả trước dài hạn	8.107.961
Các khoản phải thu dài hạn	764.670.000
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(192.510.774)
Các khoản phải trả	(1.027.882.185)
Vay dài hạn	(1.531.400.617)
Tổng tài sản thuần	610.445.482
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	2.667.823.198
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh số 26)	(531.560)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	3.277.737.120

4.4 Chuyển nhượng Cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Nhóm Công ty đã bán giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy mây đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty mía đường này. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa được hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016. Theo đó, Ban Giám đốc đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty Mía đường vào ngày 31 tháng 8 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.4 Chuyển nhượng Cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu (tiếp theo)

Ngàn VND

Giá trị tại ngày 31
tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản	
Tiền	8.420.846
Tài sản ngắn hạn	101.755
Hàng tồn kho	371.383.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.567.522
Chi phí trả trước	279.113.465
Tài sản cố định hữu hình	1.920.521.443
Nợ phải trả	
Vay	(794.079.850)
Phải trả khác	(764.853.195)
Tổng tài sản thuần	1.026.175.015
Vốn chủ sở hữu	815.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	67.461.794
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	143.713.221
	1.026.175.015

Ngàn VND

Cho kỳ kế toán từ
ngày 1 tháng 1 năm
2016 đến ngày 31
tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng	700.511.814
Giá vốn hàng bán	(529.149.304)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	171.362.510
Chi phí hoạt động tài chính	(145.174.439)
Chi phí quản lý và chi phí khác	(21.359.825)
Lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	4.828.246
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.828.246

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	288.844.262	299.868.168
Tiền mặt	4.496.161	32.092.852
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000	-
TỔNG CỘNG	308.340.423	331.961.020

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi với lãi suất 5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	863.014.863	334.427.275
- Somphot Sayyachack	123.100.073	-
- Phải thu từ các khách hàng khác	739.914.780	334.427.275
Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	727.713.177	730.579.743
Phải thu về chuyển nhượng dự án	90.147.433	-
TỔNG CỘNG	1.680.875.463	1.065.007.018
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.101.584.150	795.469.537
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	579.291.313	269.537.481
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.180.000)	(2.369.789)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.675.695.463	1.062.637.229

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.536.521.416	1.704.406.965
- Công ty TNHH Kasimex	-	372.988.152
- Các khoản trả trước khác	1.536.521.416	1.331.418.813
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	193.133.363	225.683.640
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	3.320.951	327.627.512
- Ông Nguyễn Đắc Quốc	-	70.266.565
- Bà Phạm Thanh Thủy	-	28.044.369
- Trả trước cho các nhà thầu khác	3.320.951	229.316.578
TỔNG CỘNG	1.732.975.730	2.257.718.117
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	1.613.397.390	1.427.806.350
<i>Trả trước bên khác</i>	119.578.340	829.911.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	399.490.706	265.641.262
Cho vay Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (i)	53.350.581	91.785.395
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (ii)	346.140.125	173.855.867
Dài hạn	1.897.793.366	1.307.804.207
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (ii)	1.815.702.624	1.245.353.038
Cho vay các công ty và các cá nhân khác	82.090.742	62.451.169
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (i)	82.090.742	18.415.519
- Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Dara Rattanakin	-	44.035.650
TỔNG CỘNG	2.297.284.072	1.573.445.469

(i) Đây là các khoản cho vay (tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020.

(ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020 có lãi suất từ 6,0%/năm đến 12,5%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	840.786.681	302.560.292
Cho mượn các công ty	663.774.612	14.184.867
Lãi cho vay các công ty	119.212.551	77.470.619
Tạm ứng cho nhân viên	42.086.601	204.857.675
Khác	15.712.917	6.047.131
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>507.112.005</i>	<i>89.611.563</i>
<i>Phải thu từ bên khác</i>	<i>333.674.676</i>	<i>212.948.729</i>
Dài hạn	627.242.448	75.877.608
Cho mượn các công ty	397.983.108	36.633.182
Phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	132.347.166	-
Lãi cho vay các công ty	81.356.191	27.421.314
Ký quỹ, ký cược	14.973.481	11.823.112
Khác	582.502	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>588.990.280</i>	<i>23.349.092</i>
<i>Phải thu từ bên khác</i>	<i>38.252.166</i>	<i>52.528.516</i>
TỔNG CỘNG	1.468.029.129	378.437.900

(*) Thể hiện khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án bờ với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai và dự án vườn cây ăn quả với Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.389.742.505	2.378.243.787
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	571.123.747	473.525.915
<i>Chi phí nuôi bò thịt (i)</i>	437.115.594	1.417.725.816
<i>Hoạt động sản xuất</i>	381.503.164	486.992.056
Nguyên vật liệu	186.905.652	410.514.950
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (ii)	85.207.487	116.436.784
Thành phẩm	24.107.256	35.923.410
Công cụ, dụng cụ	9.214.595	17.412.328
Hàng hóa	9.272.201	12.971.621
TỔNG CỘNG	1.704.449.696	2.971.502.880
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(5.182.807)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.671.761.591	2.966.320.073

- (i) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 24*).
- (ii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 24*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngân VND						
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vật nuôi và cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Số đầu năm	1.751.998.830	1.550.006.980	1.125.435.420	1.128.933	1.800.069.049	17.618.136	6.246.257.348
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	196.516.888	347.910.763	695.961.341	-	778.706.242	864.581	2.019.959.815
Mua trong năm	26.807.321	31.003.209	26.279.246	167.081	58.745.617	1.155.000	144.157.474
Tăng từ mua công ty con	25.988.803	2.021.522	56.974.590	74.570	71.217.751	-	156.277.236
Thanh lý trong năm	(7.840.564)	(8.661.355)	(22.023.202)	(55.150)	(299.350.587)	-	(337.930.858)
Chênh lệch tỷ giá	(2.658.017)	6.232.270	(5.840.849)	(1.863)	(17.329.892)	(61.893)	(19.660.244)
Số cuối năm	<u>1.990.813.261</u>	<u>1.928.513.389</u>	<u>1.876.786.546</u>	<u>1.313.571</u>	<u>2.392.058.180</u>	<u>19.575.824</u>	<u>8.209.060.771</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.847.477	8.038.454	15.274.895	681.749	-	1.264.222	28.106.797
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	182.587.724	264.276.795	154.622.415	932.663	85.387.327	4.974.592	692.781.516
Khấu hao trong năm	95.339.793	108.042.404	117.686.888	123.914	147.412.478	3.745.457	472.350.934
Tăng từ mua công ty con	9.018.725	964.918	11.722.114	74.570	4.515.050	-	26.295.377
Thanh lý trong năm	(181.731)	(504.453)	(3.512.178)	(55.150)	(12.047.639)	-	(16.301.151)
Chênh lệch tỷ giá	(734.118)	206.252	(673.932)	(2.197)	(1.003.726)	(32.501)	(2.240.222)
Số cuối năm	<u>286.030.393</u>	<u>372.985.916</u>	<u>279.845.307</u>	<u>1.073.800</u>	<u>224.263.490</u>	<u>8.687.548</u>	<u>1.172.886.454</u>
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	<u>1.569.411.106</u>	<u>1.285.730.185</u>	<u>970.813.005</u>	<u>196.270</u>	<u>1.714.681.722</u>	<u>12.643.544</u>	<u>5.553.475.832</u>
Số cuối năm	<u>1.704.782.868</u>	<u>1.555.527.473</u>	<u>1.596.941.239</u>	<u>239.771</u>	<u>2.167.794.690</u>	<u>10.888.276</u>	<u>7.036.174.317</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 24)</i>	1.704.782.868	1.555.527.473	1.596.941.239	239.771	2.167.794.690	10.888.276	7.036.174.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>6.648.075</u>	<u>48.197.185</u>	<u>54.845.260</u>
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	249.303	11.733.979	11.983.282
Hao mòn trong năm	<u>332.404</u>	<u>6.049.638</u>	<u>6.382.042</u>
Số cuối năm	<u>581.707</u>	<u>17.783.617</u>	<u>18.365.324</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>6.398.772</u>	<u>36.463.206</u>	<u>42.861.978</u>
Số cuối năm	<u>6.066.368</u>	<u>30.413.568</u>	<u>36.479.936</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)</i>
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	11.830.017.268	8.960.446.565
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	621.401.558	-
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	379.158.960	116.271.731
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	317.896.555	497.170.668
Chi phí vườn tiêu	118.707.592	83.114.339
Chi phí dự án bò (*)	6.637.816	249.346.043
Các công trình khác	<u>85.805.328</u>	<u>70.835.194</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.359.625.077</u>	<u>9.977.184.540</u>

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 793.789.753 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 557.954.522 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	896.161.285	271.950.970
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	-	39.200.000
TỔNG CỘNG	896.161.285	311.150.970

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	609.017.978	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	287.143.307	47,80	271.950.970
TỔNG CỘNG			896.161.285		271.950.970

(*) Vào ngày 10 tháng 8 năm 2016, công ty con trong Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên đã mua thêm 14.850.000 cổ phiếu, tương đương 18,56% tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (bên liên quan), với tổng giá mua là 550.000.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong CNGL từ 4,9% lên 23,46% và trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 15.2).

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã mua thêm 285.081 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") công ty mẹ với tổng giá mua là 12.828.645 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Bidiphar từ 47,80% lên 49,14%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Ngàn VND
	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm	273.175.991
Tăng giá trị đầu tư	608.628.645
Số cuối năm	<u>881.804.636</u>
Phần (lỗ) lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	(1.225.021)
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(6.826.722)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	22.408.392
Số cuối năm	<u>14.356.649</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>271.950.970</u>
Số cuối năm	<u>896.161.285</u>

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi số	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi số
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (Thuyết minh số 15.1)	Chăn nuôi và cây ăn quả	-	-	4,9	39.200.000

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn mía	619.284.626	658.428.542
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	186.650.602	-
Chi phí khai hoang	109.720.596	119.334.616
Tiền thuê đất	64.100.399	81.399.952
Công cụ, dụng cụ	19.653.096	18.864.683
Chi phí thuê văn phòng	5.510.308	5.521.946
Chi phí phát triển vườn bấp	-	49.185.469
Chi phí khác	21.472.733	12.209.069
TỔNG CỘNG	<u>1.026.392.360</u>	<u>944.944.277</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	438.189.885
Số đầu năm (<i>Trình bày lại</i>)	1.248.999.561
Tăng từ mua các công ty con (<i>Thuyết minh số 4.2 và 4.3</i>)	<u>2.836.710.297</u>
Số cuối năm	<u>4.085.709.858</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(4.815.224)
Phân bổ trong năm (<i>Thuyết minh số 31</i>)	<u>(174.719.236)</u>
Số cuối năm	<u>(179.534.460)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (<i>Trình bày trước đây</i>)	433.374.661
Số đầu năm (<i>Trình bày lại - Thuyết minh số 38</i>)	<u>1.244.184.337</u>
Số cuối năm	<u>3.906.175.398</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	610.608.725	400.037.969
- Công ty International Livestock Export Pty Ltd.	98.785.512	-
- Khác	511.823.213	400.037.969
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	12.654.466	164.346.595
Phải trả nhà thầu xây dựng	4.368.714	4.910.141
Phải trả khác	<u>17.200.065</u>	<u>61.490.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>644.831.970</u>	<u>630.784.705</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	377.425.999	451.203.895
<i>Phải trả bên khác</i>	267.405.971	179.580.810

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	134.374.484	684.971.696
- Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bình Hà	103.163.300	105.643.300
- Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	-	574.711.583
- Các công ty khác	31.211.184	4.616.813
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 34</i>)	<u>46.433.384</u>	<u>102.092.306</u>
TỔNG CỘNG	<u>180.807.868</u>	<u>787.064.002</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	1.511.872	-	-	1.511.872
Thuế khác	719.366	3.079.634	-	3.799.000
TỔNG CỘNG	2.231.238	3.079.634	-	5.310.872
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	142.676.704	35.481.597	(80.416.147)	97.742.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	2.229.860	14.753.475	(1.533.261)	15.450.074
Thuế thu nhập cá nhân	4.034.146	27.314.973	(27.621.209)	3.727.910
Thuế khác	-	4.107.542	(775.971)	3.331.571
TỔNG CỘNG	148.940.710	81.657.587	(110.346.588)	120.251.709

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	112.196.446	330.277.520
Chi phí hoạt động kinh doanh	8.267.249	16.441.862
Khác	23.628.149	127.785.507
TỔNG CỘNG	144.091.844	474.504.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.834.677.638	1.834.130.467
Phải trả tiền mượn các công ty	1.625.718.749	1.615.923.757
Phải trả lãi vay	1.020.275.337	165.665.618
Phải trả tiền thuê đất	83.353.623	16.237.999
Phải trả cổ tức	5.331.441	5.109.394
Phải trả ngắn hạn khác	99.998.488	31.193.699
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>1.946.457.800</i>	<i>1.778.504.016</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>888.219.838</i>	<i>55.626.451</i>
Dài hạn	1.309.428.416	847.958.773
Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)	550.000.000	-
Phải trả lãi vay	247.882.752	35.245.319
Phải trả tiền thuê đất	148.216.941	188.478.724
Phải trả tiền mượn	9.648.592	624.165.730
Phải trả dài hạn khác	353.680.131	69.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>686.237.677</i>	<i>659.411.049</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>623.190.739</i>	<i>188.547.724</i>
TỔNG CỘNG	4.144.106.054	2.682.089.240

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND và thời hạn 5 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, An Tiến đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con ở ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngân VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	3.127.105.050	4.153.262.203	(5.141.713.889)	2.138.653.364
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	2.101.643.091	1.746.914.533	(2.776.496.631)	1.072.060.993
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)	659.401.026	130.350	(292.308.526)	367.222.850
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	66.060.933	387.037.020	(120.000.000)	333.097.953
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)	300.000.000	1.950.000.000	(1.952.908.732)	297.091.268
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (Thuyết minh số 24.6)	-	61.357.300	-	61.357.300
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 24.5)	-	7.823.000	-	7.823.000
Vay dài hạn	9.108.541.327	10.504.986.042	(2.356.184.906)	17.257.342.463
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.4)	3.377.388.430	7.764.885.895	(1.491.132.570)	9.651.141.755
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.2)	4.031.152.897	2.309.100.147	(551.258.256)	5.788.994.788
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 24.3)	1.700.000.000	431.000.000	(313.794.080)	1.817.205.920
TỔNG CỘNG	12.235.646.377	14.658.248.245	(7.497.898.795)	19.395.995.827

Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Theo đó, Nhóm Công ty được các ngân hàng này cho gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu thêm từ 4 - 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	504.124.600	1.248.291.110
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	350.471.619	853.351.981
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	193.307.774	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	24.157.000	-
TỔNG CỘNG	1.072.060.993	2.101.643.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 - Phụ lục số 01/2016/6261950	<u>504.124.600</u>	-	Từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 đến ngày 8 tháng 7 năm 2017	6,50 - 9,00	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 080/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 7 năm 2015	216.919.925	-	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017	8,00	Máy cắt mía trị giá 5,16 tỷ LAK tương đương với 137,722 tỷ VND; quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại Huyện Samakhixay, Tỉnh Attapeu, Lào và các tài sản gắn liền trên đất
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	133.551.694	5.982.684	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2017 đến ngày 7 tháng 9 năm 2017	8,00 - 9,50	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
TỔNG CỘNG	<u>350.471.619</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (liếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0481/2015/HĐTDHM - DN/170 ngày 12 tháng 9 năm 2016	192.510.774	-	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2017 đến ngày 9 tháng 7 năm 2017	10,50	Đàn bò thịt hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
<i>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1762/2015/HĐTDHM - DN/111 ngày 29 tháng 2 năm 2016	797.000	-	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2017 đến ngày 26 tháng 4 năm 2017	Điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2016: 10,50)	Đàn bò sinh sản và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
TỔNG CỘNG	193.307.774				
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD161688000 ngày 16 tháng 6 năm 2016	24.157.000	1.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9,00	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Rattanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngân VND Số đầu năm</i>
BIDV	3.097.922.762	2.335.644.860
HD Bank	1.042.206.160	937.322.850
Laos - Viet Bank	1.022.006.112	669.030.620
Sacombank	994.082.604	569.974.355
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	178.581.238
TỔNG CỘNG	<u>6.156.217.638</u>	<u>4.690.553.923</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.788.994.788</i>	<i>4.031.152.897</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>367.222.850</i>	<i>659.401.026</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu; mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Nguyên tệ USD</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV - Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013	656.877.231	29.436.736	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2016: 7,00)	Căn hộ thuộc cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 4.320 m ² đất tại hồ sinh thái Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; nhà máy đá Grannite HAGL tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; 117 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam; số dư tiền gửi không kỳ hạn 47.989.463 ngàn VND của HAG tại BIDV; 9 căn hộ chung cư Thương mại Bàu Thạch Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL-Attapeu ngày 22 tháng 3 năm 2012	577.159.925	25.722.235	Từ ngày 30 ngày 3 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng 12 tháng tiền gửi trả sau + 3,50% (2016: 7,00 - 8,00)	Quyền sử dụng 51 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	761.457.207	473.876.601	12.618.719	Từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 đến ngày 15 tháng 6 năm 2020	USD 6,8 - 7,64; VND 9,10 - 11,60	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; số dư tiền gửi ngân hàng 10.700.000 ngàn VND của HAG tại BIDV; căn hộ và một phần khu thương mại Bàu Thạc Giản tại Thành phố Đà Nẵng của HAG
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐTD ngày 1 tháng 4 năm 2010	731.055.979	-	32.077.928	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2016: 7,00)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>					
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	225.859.830	-	Từ ngày 4 tháng 5 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2016: 9,50 - 11,2)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	79.544.318	-	Từ ngày 4 tháng 5 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2016: 10,65 - 11,65)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.272	-	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2017 đến ngày 5 tháng 9 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2016: 9,65)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
TỔNG CỘNG	3.097.922.762				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	313.652.495				
Vay dài hạn	2.784.270.267				

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho khoản vay ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Định khoản vay đến hạn trả trị giá 43.302.759 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngân VND	USD			
<i>HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai</i>						
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTĐTDH-ĐN ngày 25 tháng 4 năm 2014	879.445.535	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2016: USD 7,00 - 7,50 và VND 10,50 - 12,00)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Rattaniki, Campuchia và lãi sản gắn liền trên đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng vay số 0588/16/HĐLĐTDH - DN/170/DNGN-KUNNN/DN/01 ngày 30 tháng 9 năm 2016	99.800.000	99.800.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án.
<i>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</i>					
Hợp đồng vay số 1761/2015/HĐLĐTDH - DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	62.960.625	62.960.625	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2016: 10,50 - 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò
TỔNG CỘNG	<u>1.042.206.160</u>				
<i>Trong đó :</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.392.601				
Vay dài hạn	1.037.813.559				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<i>Laos- Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 098/HĐLVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	312.525.377	-	14.005.246	Ngày 21 tháng 3 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần một năm (2016: 8,00 - 9,75)	Trụ sở làm việc của công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, bản Hatxan, Huyện Xaysettha, tỉnh Attapeu theo bản đồ đất số 17 001 0008; diện tích đất 0,3 ha, của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về của TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 010/2013/LVB - ATTAPEU ngày 15 tháng 3 năm 2013	277.751.463	39.355.143	7.649.850	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần một năm (2016: 9,50 - 11,00). Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00%, điều chỉnh 2 lần một năm (2016: 12,75 - 13,75)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ - LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	223.844.284	-	10.027.500	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,50	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh SeKong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HĐ-LVB.ATP/2015 - ngày 16 tháng 3 năm 2015	111.273.133	-	4.986.499	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 08 năm 2022	8,75	Trụ sở làm việc của công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008, diện tích đất 0,3 ha, của Nhà máy chế biến mù cưa cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về của công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	96.611.855	-	4.329.481	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2016: 9,50 - 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
TỔNG CỘNG	1.022.006.112					
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn đến hạn trả	24.177.754					
Vay dài hạn	997.828.358					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngân VND	Ngân VND		%/năm	
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1636300050 ngày 28 tháng 12 năm 2016	300.000.000	300.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,5% một tháng, điều chỉnh 3 lần một năm (2016: 10,00)	Quyền sử dụng 3.467 ha rừng cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Gia Lai được CSTN trồng và khai thác Quyền sử dụng đất 6.897 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam 18,57 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức 14,5 triệu cổ phiếu HNG của Công ty Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai 4,99 triệu cổ phần Công ty Hoàng Anh Quang Minh của HNG
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014 (*)	262.454.604	262.454.604	Tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2016: 11,55%, 2017: 9,5% và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombak + (cộng) biên độ 2% được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức. 14,5 triệu Cổ phần Công ty CP Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên, theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 05/LD1400300153 ngày 1 tháng 3 năm 2017, Sacombank đã đồng ý thay đổi lịch trả nợ gốc và ân hạn thời gian thanh toán lãi. Theo đó, thời gian hoàn trả nợ gốc mới là từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026 và lãi vay bắt đầu trả từ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	250.000.000	250.000.000	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2019	Lãi suất thả nổi (2016: 10,00 - 11,00)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chưprong, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1623900077 ngày 10 tháng 11 năm 2016	85.000.000	85.000.000	Ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,50	Quyền sử dụng 1.382 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Hợp đồng tín dụng số D1616880002 ngày 16 tháng 6 năm 2016	96.628.000	4.000.000	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia
TỔNG CỘNG	994.082.604				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	25.000.000				
Vay dài hạn	969.082.604				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Chi tiết các trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngân VND	Lãi suất %/năm	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") (*) Ngân hàng TMCP Quốc Dân	1.400.000.000 300.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2016: 11%)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 8 năm 2021 Từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	431.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0% (2016: 10,5 - 11,3)	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	234.484.450 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức
Chi phí phát hành trái phiếu		(16.702.812)				
TỔNG CỘNG		2.114.297.188				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn		297.091.268				
Trái phiếu dài hạn		1.817.205.920				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Tuy nhiên, theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VP Bank, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	3.218.877.000	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 09.2016/HĐVHAGL-HATTAPEU ngày 1 tháng 9 năm 2016	1.348.777.109	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	13,00
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.324.410.532	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8,00 - 11,50
Hợp đồng hợp tác kinh doanh - 36 tháng - HAGL ngày 28 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	10,50
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	Ngày 3 tháng 4 năm 2019	12,87
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,75 - 10,35
Hợp đồng vay số 07/2013/HĐV-HAGL ngày 8 tháng 7 năm 2013	350.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2027	10,00
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 11 năm 2014	300.000.000	Ngày 8 tháng 1 năm 2018	10,87
Hợp đồng vay số 0507/HTKD/HAGL-CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 7 tháng 7 năm 2018	10,35
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	273.443.000	Ngày 24 tháng 3 năm 2019	12,50
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	9,75 - 12,00
Hợp đồng vay số 2402/HĐV-HAGL ngày 24 tháng 2 năm 2016	157.030.698	Ngày 24 tháng 2 năm 2019	11,90
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 - Phụ lục 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2018	11,50 - 16,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	Ngày 28 tháng 4 năm 2017	14,00 - 17,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2018	9,75 - 10,87
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 - Phụ lục 02/2011/HĐV-HAGL-PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014	99.278.400	Ngày 30 tháng 12 năm 2027	9,75 - 11,93
Hợp đồng vay số 04/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	80.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2018	10,87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34) (tiếp theo)</i>			
Hợp đồng vay số 02-06/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 6 năm 2016	73.076.978	Ngày 1 tháng 6 năm 2019	10,00
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013 - Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1 ngày 1 tháng 6 năm 2016	66.073.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2019	11,50 - 15,00
Hợp đồng vay số 12/HĐVHAGL-ADM ngày 30 tháng 12 năm 2016	34.007.538	Ngày 30 tháng 12 năm 2023	10,00
Hợp đồng vay số 01/HĐVHAGL ngày 14 tháng 1 năm 2016	28.167.500	Ngày 14 tháng 1 năm 2019	6,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	Ngày 9 tháng 12 năm 2017	9,75 - 12,00
Hợp đồng vay số 05-02/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	2.000.000	Ngày 23 tháng 3 năm 2017	12,00
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 28/09/16-HĐV ngày 28 tháng 9 năm 2016	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6,00
TỔNG CỘNG	<u>9.984.239.708</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>9.651.141.755</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>333.097.953</i>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>Ông Dương Hoàng Bắc (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 0511/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 11 tháng 5 năm 2016	1.115.000	Ngày 11 tháng 5 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0605/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 6 tháng 6 năm 2016	1.119.500	Ngày 6 tháng 6 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0603/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 8 tháng 6 năm 2016	2.238.000	Ngày 8 tháng 6 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0722/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 22 tháng 7 năm 2016	1.116.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0812/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 12 tháng 8 năm 2016	1.115.500	Ngày 12 tháng 8 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 1104/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 4 tháng 11 năm 2016	1.119.000	Ngày 4 tháng 11 năm 2017	10,00
TỔNG CỘNG	7.823.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngân VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>Bà Trần Thị Hữu Duyên</i>			
Khoản vay số 1	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2017	7,00
Khoản vay số 2	8.948.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2017	10,00
<i>Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành</i>			
Khoản vay số 3	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2016	9,00
<i>Ông Vũ Duy Khương</i>			
Khoản vay số 4	9.200.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2016	10,87
<i>Ông Chế Đức Toàn</i>			
Khoản vay số 5	628.300	Ngày 3 tháng 3 năm 2016	8,00
TỔNG CỘNG	61.357.300		

Các khoản vay công ty và cá nhân là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn này.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Năm trước					
Số đầu năm	3.990.670.000	1.295.347.000	143.518.473	1.404.012.572	6.833.548.045
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	724.591.678	724.591.678
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	798.723.950	999.248.810	-	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	299.629.881	-	299.629.881
Giao dịch mua thêm cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(2.029.495)	(2.029.495)
Số cuối năm	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869
Năm nay					
Số đầu năm	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(984.862.782)	(984.862.782)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	590.000.000	1.062.000.000	-	-	1.652.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	103.371.286	-	103.371.286
Số cuối năm	7.671.438.950	1.064.550.810	546.519.640	1.141.711.973	10.424.221.373

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015, chấp thuận số 7406/UBCK-QLPH về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của HNG ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ. Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty được SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp GCNĐKKD số 5900712753 thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2016 với nội dung thay đổi vốn điều lệ tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	708.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Số đầu năm (Trình bày trước đây - Thuyết minh số 38)	225.915.036	21.540.191
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)	95.307.748	21.540.191
(Lỗ) lợi nhuận trong năm	(35.245.535)	19.416.700
Mua công ty con	531.560	60.116.156
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(825.000)	(602.954)
Thanh lý công ty con	-	(3.790.480)
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát	-	(1.371.865)
Số cuối năm	59.768.773	95.307.748

27. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngân VND)	(984.862.782)	724.591.678
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	758.738.416	616.408.608
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu (i)	140.718.703	140.718.703
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	899.457.119	757.127.311
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(1.298)	1.176
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(1.298)	957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(l) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.3 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, các chứng quyền này có tác động suy giảm ngược.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	4.777.217.797	4.730.680.433
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bò</i>	3.469.931.141	2.541.497.018
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	513.254.738	352.436.994
<i>Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường</i>	463.077.421	957.503.311
<i>Doanh thu bán bắp</i>	134.803.013	295.939.624
<i>Doanh thu bán mù cào su</i>	114.025.799	197.055.040
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	50.856.559	45.416.997
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	31.269.126	56.972.736
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	-	283.858.713
Các khoản giảm trừ - giảm giá hàng bán	(1.249.713)	-
Doanh thu thuần	4.775.968.084	4.730.680.433
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bò</i>	3.468.681.428	2.541.497.018
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	513.254.738	352.436.994
<i>Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường</i>	463.077.421	957.503.311
<i>Doanh thu bán bắp</i>	134.803.013	295.939.624
<i>Doanh thu bán mù cào su</i>	114.025.799	197.055.040
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	50.856.559	45.416.997
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	31.269.126	56.972.736
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	-	283.858.713
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	641.557.909	846.957.526

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	182.762.010	64.891.633
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.748.252	51.665.188
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.930.603	2.325.965
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	45.997.846
Khác	6.622.800	-
TỔNG CỘNG	236.063.665	164.880.632
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền cho vay các bên liên quan</i>	159.534.036	74.361.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bò	3.048.276.086	1.803.513.299
Giá vốn hàng hóa	486.135.628	323.091.122
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	330.447.196	576.122.070
Giá vốn bắp	65.695.455	109.668.097
Giá vốn mủ cao su đã bán	131.997.480	175.834.362
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	46.238.998	44.590.172
Giá vốn căn hộ đã bán	31.509.854	54.180.462
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	125.567.392	406.580.409
TỔNG CỘNG	<u>4.265.868.089</u>	<u>3.493.579.993</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	701.146.747	364.676.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	70.108.894	13.039.447
Khác	7.863.225	5.744.268
TỔNG CỘNG	<u>779.118.866</u>	<u>383.460.219</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	88.270.096	72.904.454
Chi phí vận chuyển	58.930.917	55.891.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.024.928	2.015.813
Chi phí nhân viên	5.448.382	4.281.427
Chi phí khấu hao	1.674.658	1.119.391
Khác	5.191.211	9.596.186
Chi phí quản lý doanh nghiệp	306.168.650	120.958.460
Phân bổ lợi thế thương mại	174.719.236	6.365.806
Chi phí nhân viên	66.128.408	52.657.453
Chi phí khấu hao và hao mòn	19.810.644	8.475.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.464.244	14.924.533
Khác	34.046.118	38.535.356
TỔNG CỘNG	<u>394.438.746</u>	<u>193.862.914</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	146.890.520	2.233.328
Thu nhập từ thanh lý tài sản	141.737.131	-
Khác	5.153.389	2.233.328
Chi phí khác	(712.608.755)	(110.612.760)
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	(473.559.413)	(59.062.258)
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(216.186.694)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(7.655.041)	(3.521.561)
Các khoản phạt	(3.168.992)	(3.266.826)
Khác	(12.038.615)	(44.762.115)
LỖ KHÁC	(565.718.235)	(108.379.432)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.769.781	3.048.663
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	39.808.019	(32.003.555)
TỔNG CỘNG	42.577.800	(28.954.892)

Dưới đây là đối chiếu (lỗ) lợi nhuận thuần trước thuế và (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(977.530.517)	715.053.486
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	1.235.055.651	42.767.708
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	174.719.236	6.365.806
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	74.231.279	44.450.642
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản phải thu	37.417.295	-
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(166.006.469)	(1.086.533.478)
Chi phí phải trả	(150.734.194)	149.512.019
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(106.429.442)	-
(Lãi) lỗ từ công ty liên kết	(22.408.392)	1.225.021
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.220.144	123.640.211
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.223.061	47.750.201
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	-	(45.960.202)
Các khoản khác	4.602.087	2.460.784
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	119.359.739	732.198
Thuế TNDN hiện hành ước tính	4.063.514	161.084
Điều chỉnh thuế TNDN (trích thừa) thiếu của năm trước	(1.293.733)	2.887.579
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	2.769.781	3.048.663
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	717.988	699.945
Các khoản tăng khác	10.689.961	3.764.232
Thuế TNDN đã trả trong năm	(239.528)	(6.794.852)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	13.938.202	717.988
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	15.450.074	2.229.860
Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 20)	(1.511.872)	(1.511.872)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>Ngàn VND</i>			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	38.764.262	32.558.351	6.205.911	7.275.513
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	24.728.042	(24.728.042)	24.728.042
	38.764.262	57.286.393	(18.522.131)	32.003.555
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư	(21.285.888)	-	(21.285.888)	-
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(39.808.019)	32.003.555

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	5.734.871.154	3.056.390.738
		Chi phí lãi vay	614.885.108	135.653.129
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	209.151.193	889.411.032
		Mua các khoản đầu tư	12.828.645	485.731.688
		Mua tài sản	7.307.567	94.824.025
		Bán hàng hóa	5.905.223	134.831.238
		Cung cấp dịch vụ	4.545.153	-
	Trả cổ tức	-	83.091.160	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Vay và mượn	587.000.000	-
		Lãi từ cho vay	56.764.111	34.071.666
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	259.815.547	1.031.200.105
		Bán bỏ	273.564.474	-
		Bán hàng hóa	226.706.126	360.660.622
		Lãi từ cho vay	66.362.897	23.349.092
		Mua tài sản cố định	-	306.271.359
		Đầu tư vào công ty liên kết	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn	396.670.011	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	83.817.705	351.465.666
		Lãi từ cho vay	27.991.709	16.941.149
		Mua hàng hóa và dịch vụ	17.990.175	1.444.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Chuyển nhượng dự án	173.143.070	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	34.977.483	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	47.019.228	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	61.397.807	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Cho vay	150.000.000	-
		Lãi từ cho vay	3.232.192	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Cho vay	150.000.000	-
		Lãi từ cho vay	3.100.087	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Cho vay	96.670.000	-
		Lãi từ cho vay	2.083.040	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Bên liên quan	Mua cổ phần CSTN	3.277.487.120	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	320.117.214	251.301.873
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	143.484.740	14.272.963
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Chuyển nhượng dự án	90.147.433	-
		Bán hàng hóa	23.731.185	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	1.117.123	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	413.196	-
Công ty Thủy điện Hoàng Anh Aítapeu	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	25.005	19.661
Công ty TNHH ĐT&PT nhà Hoàng Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	153.649	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán tài sản	-	3.870.645
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	101.768	72.339
			579.291.313	269.537.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>	
				<i>Số đầu năm</i>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	897.478.880	938.403.361	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	702.918.510	467.936.006	
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	13.000.000	-	
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hạt giống	-	11.398.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	-	10.068.983	
			1.613.397.390	1.427.806.350	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (*)</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(l)	280.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	12,5	61.397.808	-	
Công ty TNHH V&H (Lào)	Công ty liên quan		4.742.317	3.905.051	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	11,0 – 13,0	-	123.358.579	
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	11,0	-	16.157.837	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ		-	30.434.400	
			346.140.125	173.855.867	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) (*)</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	870.000.000	280.000.000	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lal	Công ty liên kết	6 - 9,75%	573.691.667	608.275.000	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	6,5%	125.340.957	-	
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	6,5%	150.000.000	-	
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	6,5%	96.670.000	-	
Ông Huỳnh Hữu Võ	Bên liên quan	11%	-	294.936.000	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	11 - 13%	-	62.142.038	
			1.815.702.624	1.245.353.038	

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

(i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Nhóm Công ty theo kế hoạch tái cấu trúc của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

<i>Khoản cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
Khoản cho vay 1	280.000.000	8 tháng 8 năm 2017	12
Khoản cho vay 2	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	10
Khoản cho vay 3	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	6
Khoản cho vay 4	300.000.000	27 tháng 5 năm 2018	11,5
TỔNG CỘNG	1.150.000.000		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Nhóm Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyễn Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn tạm Khác	252.120.865 5.092.869	6.710.392 -	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	84.116.944	45.321.667	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay Chi trả hộ	20.317.649 4.418.868	- -	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	132.565.743	-	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	3.100.087	-	
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	3.232.192	-	
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	2.083.040	-	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	29.765.040	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Chi trả hộ	-	7.779.191	
Khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	63.748	35.273	
			507.112.005	89.611.563	
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	295.543.906	-	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay Hợp tác đầu tư	60.368.691 109.650.981	23.349.092 -	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	102.439.202	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	20.987.500	-	
			588.990.280	23.349.092	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư Mua các khoản đầu tư Mua tài sản cố định Khác	(294.126.649) (12.828.645) (6.718.545) (24.707)	(149.236.381) - (259.900.187) (22.180.171)	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	(38.299.440) (19.290.278)	- (6.945.437)	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(3.195.941)	-	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(1.319.002)	(2.677.446)	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	(179.022)	(254.786)	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thi công xây dựng	-	(9.660.688)	
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(1.443.770)	(348.799)	
			<u>(377.425.999)</u>	<u>(451.203.895)</u>	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(24.395.000)	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(21.993.920)	(101.375.786)	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(20.904)	(716.620)	
Công ty TNHH Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(23.560)	-	
			<u>(46.433.384)</u>	<u>(102.092.306)</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và chi phí lãi vay Thu hộ	(1.007.581.103)	(1.364.104.229)	(1.993.113)
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(499.290.919)	(405.141.333)	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mượn tạm	(404.622.013)	-	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Mượn tiền	(22.000.000)	-	
Công ty TNHH Hoàng Anh Giá Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Chi phí lãi vay	(7.369.738)	-	
Công ty TNHH An Tiên	Công ty liên quan	Khác	(2.034.000)	(2.034.000)	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(1.943.782)	-	
Công ty TNHH Khoáng Sản Hoàng Anh Sê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	(1.457.363)	(1.478.796)	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(158.882)	-	
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	(3.196.958)	
Khác	Bên liên quan	Thu hộ	-	(555.587)	
			(1.946.457.800)	(1.778.504.016)	
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 22)					
Công ty TNHH An Tiên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(136.237.677)	(659.411.049)	
			(686.237.677)	(659.411.049)	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.5)					
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	(7.823.000)	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.4)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(9.686.239.709)	(3.443.449.358)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn	(298.000.000)	-
			(9.984.239.709)	(3.443.449.358)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Ngàn VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	6.012.691	9.700.568

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

Ngàn VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	37.971.585	34.610.371
Từ 1 đến 5 năm	183.123.566	175.511.188
Trên 5 năm	2.642.095.589	2.498.738.536
TỔNG CỘNG	2.863.190.740	2.708.860.095

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	9.035.600.152	18.497.052.361
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	111.306.843	123.448.266
- USD	1.182.684	8.033.654
- EUR	1.259	1.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm công ty.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mù cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- ▶ Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- ▶ Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

						<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Trồng cây</i>	<i>Chăn nuôi</i>	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	1.448.703.768	2.541.497.017	397.853.991	342.625.657	-	4.730.680.433	
Giữa các bộ phận	355.587.553	465.646.010	402.620.680	-	(1.223.854.243)	-	
Tổng cộng	1.804.291.321	3.007.143.027	800.474.671	342.625.657	(1.223.854.243)	4.730.680.433	
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>							
Kết quả của bộ phận	341.635.847	737.983.718	30.172.697	127.308.178	-	1.237.100.440	
Chi phí không phân bổ						(302.242.346)	
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						934.858.094	
Thu nhập tài chính						164.880.632	
Chi phí tài chính						(383.460.219)	
Chia lỗ trong công ty liên kết						(1.225.021)	
Lợi nhuận trước thuế						715.053.486	
Thuế TNDN hiện hành						(3.048.663)	
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại						32.003.555	
Lợi nhuận thuần trong năm						744.008.378	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	19.744.299.165	2.982.789.885	1.989.678.742	775.446.934	-	25.492.214.726	
Tiền						331.961.020	
Đầu tư vào công ty liên kết						271.950.970	
Tài sản không phân bổ						639.503.891	
Tổng tài sản						26.735.630.607	
Nợ phải trả của bộ phận	(8.113.796.933)	(2.178.198.133)	(5.959.482.241)	(500.386.808)	-	(16.751.864.115)	
Nợ phải trả không phân bổ						(234.745.875)	
Tổng nợ phải trả						(16.986.609.990)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	711.906.233	3.468.681.428	563.345.966	32.034.457	-	4.775.968.084
Giữa các bộ phận	202.221.947	213.661.892	299.103.961	-	(714.987.800)	-
Tổng cộng	914.128.180	3.682.343.320	862.449.927	32.034.457	(714.987.800)	4.775.968.084
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	183.766.102	420.405.342	31.410.877	(125.482.326)	-	510.099.995
Chi phí không phân bổ						(960.156.981)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						(450.056.986)
Thu nhập tài chính						236.063.665
Chi phí tài chính						(779.118.866)
Chia lợi nhuận trong công ty liên kết						15.581.670
Lợi nhuận trước thuế						(977.530.517)
Thuế TNDN hiện hành						(2.769.781)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(39.808.019)
Lợi nhuận thuần trong năm						(1.020.108.317)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	25.978.226.272	2.551.785.637	1.234.685.249	1.526.216.329	-	31.290.913.487
Tiền và các khoản tương đương tiền						308.340.423
Đầu tư vào công ty liên kết						896.161.285
Tài sản không phân bổ						2.972.837.854
Tổng tài sản						35.468.253.049
Nợ phải trả của bộ phận	(13.139.621.660)	(2.545.288.799)	(10.239.876.051)	(557.842.012)	-	(26.482.628.522)
Nợ phải trả không phân bổ						1.498.365.619
Tổng nợ phải trả						(24.984.262.903)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.109.732.826	2.316.020.039	304.927.568	-	4.730.680.433
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	715.848.330	2.483.005.561	589.213.313	-	3.788.067.204
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	3.944.178.249	14.141.251.807	7.406.784.670	-	25.492.214.726
Tiền					331.961.020
Đầu tư vào công ty liên kết					271.950.970
Tài sản không phân bổ					539.503.891
Tổng tài sản					26.735.630.607
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.222.732.425	2.472.866.133	64.613.336	15.756.190	4.775.968.084
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	46.169.172	1.014.048.859	498.371.847	-	1.558.589.878
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	8.905.872.681	13.731.123.032	8.653.917.774	-	31.290.913.487
Tiền và các khoản tương đương tiền					308.340.423
Đầu tư vào công ty liên kết					896.161.285
Tài sản không phân bổ					2.972.837.854
Tổng tài sản					35.468.253.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11, Ban Giám đốc đã tiến hành đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản thuần của các công ty con đã mua và hợp nhất trong năm trước. Theo đó, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đồng Pênh và công ty con - Công ty TNHH Daun Pênh Agrico, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND, thực hiện vào ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Thêm vào đó, Ban Giám đốc cũng đã điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản mua thêm tương ứng nghiệp vụ mua 69,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con - Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND, thực hiện vào ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngàn VND Số đầu năm (được điều chỉnh lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.153.955.744	(1.176.771.204)	9.977.184.540
Lợi thế thương mại	433.374.661	810.809.676	1.244.184.337
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	235.354.240	(235.354.240)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	225.915.036	(130.607.288)	95.307.748

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

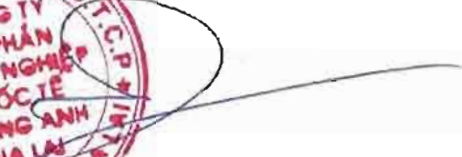
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017